



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCLQG ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC/ Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG HÀ NỘI

Tiếng Anh/ in English: HA NOI AGRICULTURAL EXTENSION CENTER (HAEC)

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 052 – VietGAP

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Trụ sở chính/ Head office:

Số 2-4 ngõ 4, phố Xóm, phường Phú Lương, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

No. 2-4, Alley 4, Xom Street, Phu Luong Ward, Hanoi City, Vietnam

Tel: +84 243 3530 846

Email: ttkn_sonnptnt@hanoi.gov.vn Website: <https://khuyennonghanoi.gov.vn/>

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

ISO/IEC 17065:2012 Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ/ Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services.

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation period

Từ/ from / /2026 đến/ to 25/11/2030



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận VietGAP cho các lĩnh vực sau/ *Certification of VietGAP for the following scopes:*

TT No.	Tên sản phẩm Name of product	Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1.	Thực hành chăn nuôi tốt – Chăn nuôi lợn <i>Good Animal Husbandary Practices – Pig production</i>	4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015	QĐR-01-02	5
2.	Thực hành chăn nuôi tốt – Chăn nuôi gà <i>Good Animal Husbandary Practices – Chicken production</i>	4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015	QĐR-01-02	5
3.	Thực hành chăn nuôi tốt – Chăn nuôi vịt, ngan <i>Good Animal Husbandary Practices – Duck and Muscovy Duck production</i>	4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015	QĐR-01-02	5
4.	Thực hành chăn nuôi tốt – Chăn nuôi bò thịt <i>Good Animal Husbandary Practices – Beef Cattle production</i>	4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015	QĐR-01-02	5
5.	Thực hành chăn nuôi tốt – Chăn nuôi bò sữa <i>Good Animal Husbandary Practices – Dairy production</i>	4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015	QĐR-01-02	5
6.	Thực hành chăn nuôi tốt – Chăn nuôi dê thịt <i>Good Animal Husbandary Practices – Meat goat production</i>	4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015	QĐR-01-02	5
7.	Thực hành chăn nuôi tốt – Chăn nuôi dê sữa <i>Good Animal Husbandary Practices – Dairy goat production</i>	4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015	QĐR-01-02	5



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

TT No.	Tên sản phẩm Name of product	Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
8.	Thực hành chăn nuôi tốt – Chăn nuôi ong mật <i>Good Animal Husbandary Practices – Honeybee Keeping</i>	4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015	QĐR-01-02	5
9.	Thực hành nông nghiệp tốt – Trồng trọt <i>Vietnamese Good Agriculture Practices – Crop Production</i>	TCVN 11892-1:2017	QĐR-01-04	6
10.	Thực hành nuôi trồng thủy sản tốt <i>Vietnamese Good Aquaculture Practices</i>	3824/QĐ-BNN-TCTS ngày 06/9/2014	QĐR-01-03	5
11.	Thực hành nuôi trồng thủy sản tốt – Nuôi trồng thủy sản trong ao <i>Vietnamese Good Aquaculture Practices – Pond aquaculture</i>	TCVN 13528-1:2022	QĐR-01-05	6

Ghi chú/ Note: Trung tâm Khuyến nông Hà Nội phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/
Ha Noi Agricultural Extension Center must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.